

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mến

Bà Trần Thị Kim Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trà Ôn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2023/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Huỳnh Thị Bích T**, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Thành N trình bày và yêu cầu:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Huỳnh Thị Bích T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 06/10/2008. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do trước đây chị T đã một lần bỏ nhà đi không rõ lý do, sau đó tôi có tìm và rước vợ về,

đến cách nay khoảng 02 tháng thì chị T lại tiếp tục bỏ nhà đi mà không rõ lý do, tôi đã tìm mọi cách để tìm kiếm, liên hệ nhưng không được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn thực hiện nghĩa vụ với nhau. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Huỳnh Thị Bích T.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo N1, sinh ngày 24/11/2008 và Nguyễn Hữu P, sinh ngày 29/8/2012. Hiện nay 02 con đang ở cùng tôi và ông bà nội. Tôi yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đối với bị đơn chị Huỳnh Thị Bích T:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Huỳnh Thị Bích T nhưng chị T không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành N. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nhân được ly hôn với chị T; về con chung: Giao 02 con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: Anh N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Thành N khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Huỳnh Thị Bích T; chị T có nơi cư trú tại ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Anh Nguyễn Thành N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Huỳnh Thị Bích T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt anh N và chị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành N và chị Huỳnh Thị Bích T kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 06/10/2008 nên hôn nhân giữa anh N và chị T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Anh N cho rằng chị T đã bỏ nhà đi khoảng 02 tháng, giữa anh và chị T không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị T. Xét, lời trình bày của anh N là phù hợp với lời trình bày của mẹ anh N là bà Lê Thị Mỹ P tại biên bản xác minh ngày 10/7/2023, bà P khai có nội dung: chị T thường xuyên bỏ nhà đi mà không rõ lý do, khi đi không nói gì với cha mẹ chồng, không nói là đi đâu, đi làm gì và bà P cũng xác nhận chị T không làm tròn nghĩa vụ của người mẹ đối với con, không làm tròn nghĩa vụ của người vợ đối với chồng. Chị T vắng mặt và không có ý kiến gửi Tòa án. Do đó, anh N yêu cầu được ly hôn với chị T là có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N: Xử cho anh Nguyễn Thành N được ly hôn với chị Huỳnh Thị Bích T.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian sống chung, anh Nguyễn Thành N và chị Huỳnh Thị Bích T có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo N1 sinh ngày 24/11/2008 và Nguyễn Hữu P sinh ngày 29/8/2012. Anh Nguyễn Thành N yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét, hiện nay N và P đang sống cùng anh N và cha mẹ của anh N, hiện do anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu N và cháu P có nguyện vọng được sống cùng anh N khi cha mẹ ly hôn. Chị T vắng mặt và không có ý kiến gửi Tòa án. Do đó, anh N yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo N1 sinh ngày 24/11/2008 và Nguyễn Hữu P sinh ngày 29/8/2012 cho anh Nguyễn Thành N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Huỳnh Thị Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thành N phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[2.5] Xét đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thành N được ly hôn với chị Huỳnh Thị Bích T.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo N1 sinh ngày 24/11/2008 và Nguyễn Hữu P sinh ngày 29/8/2012 cho anh Nguyễn Thành N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Huỳnh Thị Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thành N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004134 ngày 24/5/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Anh Nguyễn Thành N đã nộp đủ.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
 - VKSND huyện Trà Ôn;
 - Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
 - UBND xã T, huyện T
- (Giấy CNKH số 57, ngày 06/10/2008)
- Các đương sự;
 - Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THÀNH LUÂN